

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:40/2019/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ  
mục tiêu quản lý trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 1034/TTr-VP ngày 22 tháng 8 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Các báo cáo định kỳ do các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố ban hành trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2019.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH  
Huỳnh Đức Thơ**

**QUY ĐỊNH**

**Chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý  
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 40/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2019  
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nhằm phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Việc báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề và các báo cáo khác không thực hiện theo quy định này, mà được thực hiện theo yêu cầu, lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Đối tượng áp dụng là các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã trên địa bàn thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan (sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị) và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố.

**Điều 2. Nguyên tắc báo cáo**

1. Bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Nội dung chế độ báo cáo phải phù hợp với quy định tại các văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền ban hành.

3. Chế độ báo cáo được ban hành phải thực sự cần thiết nhằm phục vụ mục tiêu quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền; phù hợp về thẩm quyền ban hành và đối tượng yêu cầu báo cáo.

4. Các số liệu yêu cầu báo cáo phải đồng bộ, thống nhất về khái niệm, phương pháp tính và đơn vị tính để bảo đảm thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo, chuyển dần từ báo cáo bằng văn bản giấy sang báo cáo điện tử. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện chế độ báo cáo và công tác phối hợp, chia sẻ thông tin báo cáo.

**Chương II**

**THẨM QUYỀN BAN HÀNH VÀ YÊU CẦU CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

**Điều 3. Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo**

Thẩm quyền ban hành chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

#### **Điều 4. Phương thức gửi, nhận báo cáo**

Phương thức gửi, nhận báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

#### **Điều 5. Thời gian chốt số liệu báo cáo**

1. Đối với báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện; phường, xã định kỳ hằng tháng, hằng quý; Báo cáo định kỳ 6 tháng và báo cáo định kỳ hằng năm thực hiện theo quy định khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Đối với Báo cáo 9 tháng: Thời gian chốt số liệu báo cáo 9 tháng được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 9 của kỳ báo cáo.

3. Đối với báo cáo đánh giá xếp loại công tác Văn thư – Lưu trữ hằng năm thì thời gian chốt số liệu báo cáo được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của kỳ báo cáo năm.

#### **Điều 6. Thời hạn gửi báo cáo**

1. Báo cáo tháng: Các cơ quan, đơn vị gửi chậm nhất vào ngày 18 hằng tháng; các cơ quan, đơn vị tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chậm nhất vào ngày 22 hằng tháng.

2. Báo cáo quý: Các cơ quan, đơn vị gửi chậm nhất vào ngày 18 của tháng cuối quý; các cơ quan, đơn vị được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chậm nhất vào ngày 22 hằng quý.

3. Báo cáo 6 tháng:

- Báo cáo 6 tháng đầu năm: Các cơ quan, đơn vị gửi chậm nhất vào ngày 18 tháng 6; các cơ quan, đơn vị được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chậm nhất vào ngày 22 tháng 6;

- Báo cáo 6 tháng cuối năm: Các cơ quan, đơn vị gửi chậm nhất vào ngày 18 tháng 12; các cơ quan đơn vị được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chậm nhất vào ngày 22 tháng 12.

4. Báo cáo 9 tháng: Các cơ quan, đơn vị gửi chậm nhất vào ngày 18 tháng 9; các cơ quan đơn vị được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chậm nhất vào ngày 22 tháng 9.

5. Báo cáo năm: Các cơ quan, đơn vị gửi chậm nhất vào ngày 18 tháng 12 hằng năm; Các cơ quan đơn vị được giao tổng hợp, theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chậm nhất vào ngày 22 tháng 12.

6. Báo cáo đánh giá xếp loại công tác Văn thư – Lưu trữ hằng năm: các cơ quan, đơn vị gửi chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo; các cơ quan, đơn vị được giao tổng hợp, báo cáo UBND thành phố sau khi hoàn thành việc kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

7. Trường hợp thời hạn báo cáo định kỳ trùng vào ngày nghỉ hằng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn nhận báo cáo định kỳ được tính vào ngày làm việc liền kề tiếp theo ngày nghỉ đó.

### **Điều 7. Chế độ xử lý thông tin, báo cáo**

1. Đối với báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ liên quan về kinh tế-xã hội của các sở, ngành và UBND quận, huyện: Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp thành báo cáo chung.

2. Các chế độ báo cáo định kỳ khác: Các cơ quan, đơn vị nào chủ trì thì cơ quan, đơn vị đó phải thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, báo cáo chung theo thời hạn quy định tại Điều 6 của Quy định này để trình UBND thành phố.

### **Điều 8. Danh mục báo cáo, các biểu mẫu báo cáo**

Danh mục báo cáo định kỳ, biểu mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định này.

## **Chương III**

### **ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

#### **Điều 9. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo**

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm thời gian, chi phí trong quá trình thực hiện báo cáo.

2. Giá trị pháp lý của báo cáo điện tử và việc sử dụng chữ ký số, xây dựng các biểu mẫu điện tử thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

#### **Điều 10. Yêu cầu về chức năng cơ bản của Hệ thống thông tin báo cáo**

Hệ thống thông tin báo cáo thành phố được xây dựng trên cơ sở chế độ báo cáo do địa phương ban hành, trong đó phải bảo đảm chức năng hỗ trợ tạo lập chỉ tiêu, báo cáo

theo biểu mẫu trên hệ thống; bảo đảm khả năng phân bổ chỉ tiêu, biểu mẫu báo cáo từ Ủy ban nhân dân thành phố xuống các cơ quan, đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân có liên quan; tổng hợp số liệu báo cáo; cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng để cập nhật, chia sẻ số liệu báo cáo theo quy định và phục vụ báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 11. Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ**

Hạ tầng kỹ thuật kết nối Hệ thống thông tin báo cáo cấp thành phố phải được duy trì ổn định, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

### **Điều 12. Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo thành phố**

Hệ thống thông tin báo cáo của thành phố xây dựng theo Kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và Văn phòng Chính phủ.

## **Chương IV**

### **QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

**Điều 13. Quyền của các cơ quan, đơn vị trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia**

1. Các cơ quan, đơn vị được quyền khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia theo phân cấp quản lý.

2. Các cơ quan, đơn vị tham gia thu thập, xử lý, cập nhật thông tin báo cáo được truy cập và khai thác cơ sở dữ liệu theo phân quyền; được quyền trích xuất dữ liệu do mình trực tiếp cập nhật để tổ chức thành bộ dữ liệu riêng phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo điều hành của mình.

### **Điều 14. Trách nhiệm công khai, chia sẻ thông tin báo cáo**

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện cung cấp, chia sẻ và công khai thông tin báo cáo theo quy định tại Điều 9, Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin 2016.

2. Đầu mỗi quản lý, lưu trữ, chia sẻ thông tin báo cáo như sau:

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo do các cơ quan, đơn vị của thành phố ban hành.

**Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, công chức và cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo**

1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đúng quy trình, thời hạn của các chế độ báo cáo.

2. Các thông tin, số liệu báo cáo phải bảo đảm tính chính xác, khách quan, trung thực, phản ánh đúng thực tế.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc chia sẻ, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu báo cáo do mình cung cấp.

4. Người ký báo cáo phải đúng thẩm quyền, phù hợp với từng loại báo cáo và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân báo cáo.

5. Bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, chuyên môn phù hợp để thực hiện công tác báo cáo.

6. Các cơ quan, đơn vị, công chức và cá nhân, tổ chức có liên quan có hành vi vi phạm quy định tại Quy định này, tùy theo tính chất và mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 16. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo của các cơ quan, đơn vị được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân đó tự đảm bảo.

3. Kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin báo cáo của các cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đấu thầu, công nghệ thông tin và pháp luật khác có liên quan.

#### **Điều 17. Trách nhiệm thi hành**

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

a) Các cơ quan, đơn vị, các cá nhân, tổ chức có liên quan thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo Quy định này; chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Quyết định này.

b) Phần nội nhận của văn bản quy phạm pháp luật có quy định về chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, ngoài các đơn vị có liên quan thì các cơ quan, đơn vị phải gửi Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố để theo dõi, rà soát.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Theo dõi tình hình chế độ báo cáo thực hiện nhiệm vụ của các ngành, địa phương theo Quy định này.

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thực hiện Quy định này; phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu tại Quy định này. Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố công bố danh mục báo cáo định kỳ tại Quyết định này hoặc được cập nhật, công bố thường xuyên khi có sự thay đổi trên Cổng Thông tin điện tử thành phố theo quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành các hệ thống thông tin báo cáo theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Thông tin và Truyền thông. Hướng dẫn, tổ chức tập huấn cho các đối tượng thực hiện báo cáo; vận hành xác định cấp độ bảo đảm an toàn thông tin và thực hiện phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin báo cáo thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật. Thiết lập các hệ thống giám sát, phòng, chống tấn công, chống thất thoát dữ liệu, phòng, chống vi rút để bảo đảm an toàn, an ninh cho hệ thống.

4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế-xã hội của thành phố, trừ trường hợp có quy định khác.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Huỳnh Đức Thơ**